

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Thanh Hưng;

Ông Nguyễn Mai Khanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
tham gia phiên tòa:*** Ông Thái Hoàng Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng,
tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số
296/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về Ly hôn theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023
và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm
2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị T, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp 4, xã Trừ
Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng
mặt.

- ***Bị đơn:*** Ông Lê Trần Q, sinh năm 1963; nơi cư trú: ấp 4, xã Trừ Văn
Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị T
trình bày:

Về hôn nhân: bà Phạm Thị T và ông Lê Trần Q tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Ông Q và bà T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trừ Văn Thố, huyện Bến Cát (nay là Bàu Bàng), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/98 vào ngày 12-02-1998.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2019, ông Q và bà T bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung về nuôi dạy con cái và kinh tế gia đình. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà bản thân mỗi người tự lo cho riêng. Năm 2019, ông Q và bà T sống ly thân cho đến nay. Ông Q và bà T không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung: Lê Nhựt N, sinh ngày 18 tháng 3 năm 1996 và Lê Hoàng S, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2003. Hiện nay, các con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Lê Trần Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Theo biên bản xác minh ngày 07 tháng 11 năm 2022, Công chức Tư pháp xã Trừ Văn Thố cung cấp như sau: ông Lê Trần Q và bà Phạm Thị T quá trình chung sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào thì địa phương không có thông tin do ông bà không nhờ địa phương hoặc tổ chức đoàn thể can thiệp giải quyết theo quy định.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Trần Q nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông Lê Trần Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 4, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Trần Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Lê Trần Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trừ Văn Thố, huyện Bến Cát (nay là Bàu Bàng), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/98 vào ngày 12-02-1998 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Q do bà T và ông Q đều không quan tâm đến gia đình, chăm sóc lẫn nhau, nuôi dạy con cái, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Từ năm 2019, ông Q và bà T sống ly thân cho đến nay, không quan tâm đến nhau và không có biện pháp hàn gắn cuộc sống hôn nhân. Hơn nữa, quá trình tố tụng, ông Q được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, bỏ mặc không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến tại Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Xét thấy, bà T và ông Q là vợ chồng nhưng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau là không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nhận thấy tình trạng hôn nhân của bà T và ông Q phù hợp với kết quả xác minh địa phương; vợ chồng không quan tâm đến nhau và không có biện pháp hàn gắn cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu khởi kiện của bà T xin ly hôn với ông Q là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T đối với bị đơn ông Lê Trần Q về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Phạm Thị T và ông Lê Trần Q.

- Về con chung: Các con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009377 ngày 06 tháng 10 năm 2022 Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- UBND xã Trừ Văn Thố, huyện Bến Cát (nay là Bàu Bàng), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/98 vào ngày 12-02-1998;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Khoa